TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2025
V/v tranh chấp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Liễu

2. Bà Hà Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2025 và ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 2 năm 2022 về tranh chấp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2025, Thông báo mở phiên tòa xét xử vụ án hôn nhân và gia đình số 69/2025/TB-TA ngày 01/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Phương T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số H N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn P. Địa chỉ: Số C L, khu phố E, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh H1, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số H N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1944 và ông Hồ Hoàng L, sinh năm 1944. Cùng địa chỉ: Số A H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Địa chỉ: Số I N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.3. Ngân hàng N. Trụ sở: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền là ông Phan Thanh T1, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh R vào ngày 22/4/2025. (có mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng là ông Trịnh Trọng H2, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh R vào ngày 06/3/2025. (có mặt)

Địa chỉ: Số D M, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3.4. Ông Trần Nhật T2, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp X, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt và niêm yết hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 04/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hồ Thị Phương T và đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn P trình bày:

Nguyên chồng chị là ông Trần Thanh H1 thường trú tại số H, đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cùng ông Tô Hiếu T3 cư trú tại số C, đường Đ, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang có vay của ông Trần Nhật T2, sinh năm 1978, cư trú tại ấp X, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang số tiền 01 tỷ đồng để thanh toán nợ Ngân hàng. Số tiền vay 01 tỷ đồng không thanh toán đúng thỏa thuận ban đầu nên vụ việc được đưa ra Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết bằng Quyết định số 51/2020/QĐST-DS ngày 07/8/2020 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, theo đó ông H1 và ông T3 có nghĩa vụ thanh toán cho ông T2 số tiền vay và tiền lãi vay. Do không thực hiện đúng nghĩa vụ theo Quyết định số 51/2020/QĐST-DS ngày 07/8/2020 nên ngày 13/11/2021 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu đối với ông Trần Thanh H1 và ông Tô Hiếu T3, buộc 2 ông trả cho ông Trần Nhật T2 số tiền 01 tỷ đồng; đến ngày 19/01/2022 bằng Quyết số 22/QD-CCTHADS thực hiện Cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là khu đất tọa lạc tại số H, đường N, phường A, thành phố R (trước đây là phường A, thị xã R), tỉnh Kiên Giang để thi hành án trả nợ của ông T2.

Sau khi chị T yêu cầu xem xét lại Quyết định Cưỡng chế thi hành án ngày 11/3/2022, bằng công văn số 481/TL-CCTHADS của Chi cục thi hành án dân sự

thành phố Rạch Giá trả lời không đồng ý rút lại Quyết định thi hành án số 22/QD-CCTHADS ngày 19/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá đã ban hành.

Việc vay nợ của anh H1 và ông Tô Hiếu T3 là việc riêng của anh H1 và ông T3 không liên quan gì đến chị T, anh H1 vay mượn nợ của ông T2 là việc riêng của anh H1, chị T không hề hay biết và số tiền anh H1 vay mượn của ông T2, anh H1 không đem về để lo cho gia đình. Như vậy nợ của anh H1 vay mượn của anh T2 là nợ riêng của bản thân anh H1, không liên quan gì đến chị T nên việc cưỡng chế thi hành án với quyền sử dụng đất tại địa chỉ số H, đường N, phường A, thành phố R (trước đây là phường A, thị xã R) là tài sản riêng của chị T có nguồn gốc cha mẹ chị T cho cá nhân chị T để trả nợ riêng của anh H1 là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của chị T. Chị T kiên quyết không đồng ý.

Chị T xác nhận vào năm 2003 cha mẹ chị là bà Lê Thị Ngọc M và ông Hồ Hoàng L sống ở An Giang có tặng cho thửa đất nêu trên, nhưng do chị không có hộ khẩu thường trú tại Kiên Giang nên chị nhờ anh H1 đứng tên hộ và trong hợp đồng chuyển nhượng không ghi giá chuyển nhượng mà ghi là "mẹ cho con", đến ngày 6/6/2002 thì anh H1 được đánh biến động sang tên, việc nhờ anh H1 đứng tên hộ thì chị T không có làm giấy tờ gì vì anh chị là vợ chồng nên chị không làm giấy tờ gì, đến năm 2004 thì anh chị xây cất nhà cấp 4 trên đất và ở cho đến nay.

Đến tháng 6/2021 thì anh H1 có vay tiền của Ngân hàng N với số tiền là 700.000.000 đồng với mục đích vay là chị hoàn toàn không biết, chị T xác nhận có cùng anh H1 ký tên vay trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp để vay số tiền trên, nhưng anh H1 không đem tiền về lo cho gia đình, quá trình thực hiện vay tiền thì anh H1 có trách nhiệm trả lãi cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 316, tờ bản đồ số: 101; Loại đất: đất ở: 234.6m², đất vườn: 306.80m²; Địa chỉ thửa đất: Đường (Hẻm) Nguyễn Trung T4, P. A, TX. R, tỉnh Kiên Giang. Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 541.60m², thời hạn sử dụng: Lâu dài + 04/2052 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V707178, cơ quan cấp UBND TX Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, cấp ngày 25/12/2002 cho bà Lê Thị Ngọc M đứng tên và được Phòng giao thông địa chính xây dựng thị xã R đánh biến động sang tên anh Trần Thanh H1 vào ngày 06/6/2003 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R đánh biến động sang tên cho anh Trần Thanh H1 đứng tên vào ngày 20/8/2018 là tài sản riêng của chị T, chị T xin rút lại yêu cầu về việc hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/01/2003 giữa bà Lê Thị Ngọc M với anh Trần Thanh H1, chị Hồ Thị Phương T đối với thửa đất nêu trên và không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, chị T không yêu cầu chia đôi căn nhà của vợ chồng. Chị T yêu cầu bổ sung về việc yêu cầu huỷ giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số V707178, do U, tỉnh Kiên Giang, cấp ngày 25/12/2002 cho ông Trần Thanh H1 đứng tên.

Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng N thì chị T không đồng ý thanh toán tiền cho Ngân hàng vì đây là tài sản riêng của chị, anh H1 có trách nhiệm thanh toán tiền cho Ngân hàng. Chị T thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất tranh chấp.

Theo bản tự khai ngày 3/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trần Thanh H1 trình bày như sau:

Anh H1 và chị T chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn và hiện tại vẫn đang chung sống với nhau, anh H1 xác nhận vào năm 2003 cha mẹ chị T là bà Lê Thị Ngọc M và ông Hồ Hoàng L sống ở An Giang có tặng cho chị T thửa đất tại địa chỉ số H, đường N, phường A, thành phố R (trước đây là phường A, thị xã R), nhưng do chị T không có hộ khẩu thường trú tại Kiên Giang nên chị nhờ anh H1 đứng tên giấy đất hộ và trong hợp đồng chuyển nhượng không ghi giá chuyển nhượng mà ghi là "mẹ cho con", đến ngày 6/6/2002 thì anh H1 được đánh biến động sang tên, thời gian sống tại thửa đất nêu trên thì anh có sửa nhà cửa cho khang trang, tiền sửa nhà thì do vợ chồng làm ra cùng sửa nhà và một phần tiền vay Ngân hàng để sửa nhà, vào năm 2021, anh H1 có vay tiền của Ngân hàng N, chi nhánh R với số tiền là 700.000.000 đồng với mục đích vay là làm ăn, chuyển nhượng đất, anh H1 xác nhận có cùng chị T ký tên vay trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp để vay số tiền trên, quá trình thực hiện vay tiền thì anh H1 có trách nhiệm trả lãi cho Ngân hàng chị T hoàn toàn không biết, nay do anh làm ăn khó khăn nên chưa thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng được, anh H1 xác nhận anh và chị T đã vay tiền Ngân hàng từ năm 2019 cho đến nay, đến năm 2021 có ký lại hợp đồng vay tiền với Ngân hàng. Đối với căn nhà trên đất là tài sản chung vợ chồng anh và chị T xây cất vào năm 2004 và ở cho đến nay. Anh H1 xác nhận có nợ anh T2 theo Quyết định công nhân nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 51/2020, ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá anh cam kết vào cuối tháng 12/2023 anh trả 100.000.000đ còn lại 400.000.000đ ảnh trả cuối tháng 06/2024 dứt nợ, do Quyết định nêu trên ghi không đúng về việc anh có trách nhiệm liên đới trả tiền, anh rất bức xúc và anh đang khiếu nại lên cấp trên xem xét lại Quyết định nêu trên.

Nay chị T yêu cầu khởi kiện anh yêu cầu công nhận thửa đất số 316, tờ bản đồ số: 101; loại đất: đất ở: 234.6m², đất vườn: 306.80m²; địa chỉ thửa đất: đường (Hẻm) Nguyễn Trung T4, P. A, TX. R, tỉnh Kiên Giang. Hình thức sử dụng: sử dụng riêng 541.60m², thời hạn sử dụng: Lâu dài + 04/2052 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V707178, cơ quan cấp UBND TX Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, cấp ngày 25/12/2002 cho bà Lê Thị Ngọc M đứng tên và được Phòng giao thông địa chính xây dựng thị xã R đánh biến động sang tên anh Trần Thanh H1 vào ngày 06/6/2003 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R đánh biến động sang tên cho

anh Trần Thanh H1 đứng tên vào ngày 20/8/2018 là tài sản riêng của chị T, anh H1 đồng ý trả lại thửa đất nêu trên cho chị T vì đây là tài sản riêng của chị T.

Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng N thì anh H1 xác nhận là nợ riêng của anh H1 và đồng ý thanh toán tiền cho Ngân hàng nhưng do anh đang gặp khó khăn về kinh tế nên anh H1 xin trả dần số tiền trên trong thời hạn 06 tháng là dứt nợ. Trường hợp anh không có tiền thanh toán tiền cho Ngân hàng thì nếu Toà xử công nhận thửa đất trên là tài sản riêng của chị T thì anh H1 không đồng ý phát mãi tài sản, còn nếu Toà không công nhận thửa đất trên cho chị T thì anh H1 đồng ý phát mãi tài sản thế chấp. Anh H1 thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất tranh chấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị T về việc yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V707178, do U, tỉnh Kiên Giang, cấp ngày 25/12/2002 cho ông Trần Thanh H1 đứng tên thì anh không có ý kiến gì vì đây là quyền lợi của chị T.

Theo bản tự khai ngày 6/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc M và *ông Hồ Hoàng L trình bày như sau:*

Vào năm 2002, ông L và bà Lê Thị Ngọc M có mua một miếng đất của ông Danh K tại hẻm H, phường A, thị xã R nay là phường A, thành phố R, Kiên Giang, thửa đất số 316, tờ bản đồ 101, diện tích 514.6m2 với giá 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Lúc bấy giờ, bản thân ông L là công chức đang công tác tại cơ quan Nhà nước, do đó mọi việc đi lại, mua bán khu đất trên chủ yếu là bà M trực tiếp thực hiện.

Cũng trong năm 2002, con gái ông bà là Hồ Thị Phương T, sinh năm 1975 chuyển công tác từ An Giang về công tác tại Trung tâm đo đạc nay là Trung tâm K1 thuộc Sở T6 và định cư tại khu tập thể của đơn vị Sở TNMT. Để tạo điều kiện ổn định cuộc sống cho con và cháu ngoại, ông L và bà M đã mua một thửa đất của ông Danh K tọa lạc tại hẻm H, phường A lúc bấy giờ, nay là phương An B, thành phố R và bà Lê Thị Ngọc M đứng tên giấy chứng nhận QSD đất để cho con gái là chị T nhằm mục đích cho con ổn định cuộc sống và an tâm công tác cùng với chồng là Trần Thanh H1. Do thủ tục đất đai lúc bấy giờ không có quy định về việc cho tặng nên bà M đã giao thửa đất trên cho con gái qua hình thức hợp đồng chuyển nhượng (là mẫu hồ sơ thực hiện các giao dịch về đất đai quy định lúc bấy giờ) thông qua con rể là Trần Thanh H1 (có hộ khẩu thường trú tại Rạch G) và con gái ông bà là Hồ Thị Phương T với giá trị mua bán không có giá bằng tiền (mà ghi là mẹ cho con). Gia đình ông bà không có bất một người thân nào ở tại Rạch G, nên ông bà chuyển giao thửa đất lại cho con gái ruột cũng nhằm có ý bảo vệ quyền lợi của con gái và cháu ngoại của ông bà trong những trường hợp xảy ra những sự việc ngoài ý muốn vì theo luật định thì quyền lợi và nghĩa vụ của con ruột và con rể hay con dâu đều được phân định rõ ràng theo trong trường hợp xảy ra tranh chấp (nếu có). Bà M, ông L khẳng

định, tiền mua đất là tiền của ông bà, miếng đất này ông bà mua do bà Lê Thị Ngọc M đứng tên và cho con là chỉ cho riêng con gái ông bà là Hồ Thị Phương T. Ông bà đề nghị quí cơ quan xem xét công nhận phần đất này là của chị Hồ Thị Phương T nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị T theo quy định của pháp luật.

Theo thông báo số 863 ngày 07/4/2023 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang trình bày như sau:

Căn cứ Quyết định số 51/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 08 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; Quyết định thi hành án số 207/QĐ-CCTHADS ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Rạch Giá; với nội dung buộc ông Trần Thanh H1 và ông Tô Hiếu T3 phải liên đới trả cho ông Trần Nhật T2 số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông T2 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Thanh H1 và ông Tô Hiếu T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đến nay ông T3, ông H1 chưa thi hành án;

Chi cục Thi hành án ra Quyết định kê biên tài sản số 22/QĐCCTHADS ngày 19/01/2022 để kê biên tài sản chung vợ chồng do bà Hồ Thị Phương T đứng tên là : Nhà và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số V707178, số vào số cấp GCN: 292/2002/QSDĐ do UBND thành phố U cấp ngày 25/12/2002 cho bà Lê Thị Ngọc M chuyển nhượng cho ông Trần Thanh H1 ngày 06/06/2003; thửa đất số 316, tờ bản đồ số 101, địa chỉ: đường H, khu phố F, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; diện tích 541,60m^2, (bằng chữ: Một mét vuông); trong đó đất ở 234,8m^2; đất vườn 306,80m^2, thời hạn sử dụng: lâu dài, 04/2052, ngồn gốc sử dụng là nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Ngọc M và tài sản gắn liền với đất là nhà ở. Sau khi ra quyết định kê biên thì nhận được thông báo thụ lý vụ án số 129/TB-TLVA ngày 04/05/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá về việc thụ lý giải quyết tranh chấp tài sản liên quan đến người phải thi hành án là ông Trần Thanh H1 với bà Hồ Thị Phương T và bà Lê Thị Ngọc M; Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá xin thông báo về việc đang thi hành án đối với anh Trần Thanh H1 phải thi hành các nghĩa vụ nêu trên, đề nghị Quý Tòa xem xét giải quyết vụ việc nêu trên theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nhật T2 trình bày như sau:

Anh tiếp tục yêu cầu anh H1 có nghĩa vụ trả cho anh số tiền 500.000.000đ theo Quyết định công nhân nhân sự thỏa thuận của các đương sự số: 51/2020, ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá trong thời hạn là 06 tháng là dứt diểm là vào tháng 06/2024. Đối với yêu cầu của chị T anh không thống nhất gì để

đảm bảo quyền lợi thi hành án cho anh xong anh sẽ chấp nhận ý kiến của chị. Anh T2 thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất tranh chấp.

Đại diện Ngân hàng N có yêu cầu độc lập trình bày như sau:

Ngày 21 tháng 06 năm 2021 Ngân hàng N và anh Trần Thanh H1 và chị Hồ Thị Phương T cùng thỏa thuận đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7713LAV202100755 Ngày 21 tháng 06 năm 2021 để vay vốn với số tiền: 700.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thời hạn vay vốn 01 năm, trả tiền lãi 03 tháng/lần. Lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là 10%/năm (áp dụng lãi suất biến đổi). Hạn trả cuối cùng vào ngày 19/06/2023.

Tài sản thế chấp là: Thửa đất số 316, tờ bản đồ số: 101; Loại đất: đất ở: 234.6m², Đất vườn: 306.80m²; Địa chỉ thửa đất: Đường (Hẻm) Nguyễn Trung T4, P. A, TX. R, tỉnh Kiên Giang. Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 541.60m², thời hạn sử dụng: Lâu dài + 04/2052 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng Đất số V707178, cơ quan cấp UBND TX Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, cấp ngày 25/12/2002 cho bà Lê Thị Ngọc M đứng tên và được Phòng giao thông địa chính xây dựng thị xã R đánh biến động sang tên anh Trần Thanh H1 vào ngày 06/6/2003 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R đánh biến động sang tên cho anh Trần Thanh H1 đứng tên vào ngày 20/8/2018 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7713LCL201901204 ngày 14/6/2019 được chứng thực tại Văn phòng C ngày 18/6/2019.

Thời điểm cho vay tiền, phía Ngân hàng có xuống thẩm định tài sản của anh chị, vợ chồng chị T và anh H1 cùng xác nhận là tài sản của anh chị, không có ai tranh chấp, quá trình thực hiện hợp đồng vay vợ chồng anh chị có đóng lãi đầy đủ cho Ngân hàng, đến nay anh Trần Thanh H1 và chị Hồ Thị Phương T đã vi phạm Hợp đồng tín dụng số 7713LAV202100755 Ngày 21 tháng 06 năm 2021 ký kết với Ngân hàng do nợ vay đã quá hạn.

Nay Ngân hàng Ngân hàng N xem xét buộc anh H1 và chị T, trả toàn bộ số tiền vay và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 22/4/2025 như sau: Nợ gốc 700.000.000 đồng, nợ lãi 228.845.618 đồng (tính đến hết ngày 22/4/2025), tổng cộng gốc và lãi là 928.845.618 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 23/4/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Nếu anh H1 và chị T không thanh toán dứt điểm khoản nợ vay trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng yêu cầu các cơ quan có chức năng tiến hành làm thủ tục theo quy định của pháp luật xử lý tài sản đảm bảo nợ vay để thu toàn bộ số tiền nợ trên cho nhà nước.

Đối với yêu cầu của chị T về việc yêu cầu Tòa án xem xét tài sản thế chấp tại Ngân hàng là tài sản riêng của chị T thì Ngân hàng không đồng ý mà yêu cầu Tòa án

xác định đây là tài sản chung của vợ chồng anh H1 và chị T để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho Ngân hàng vì tại thời điểm vay tiền và thế chấp tài sản thì anh H1, chị T cùng đồng thuận ký tên vay tiền tại Ngân hàng. Đại diện Ngân hàng T7 không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất tranh chấp.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử còn vi phạm theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bổ sung về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của bà Lê Thị Ngọc M được cấp vào năm 2002, xét thấy yêu cầu nguyên đơn vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên bà T có thể khởi kiện thành vụ án khác nên không xem xét.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/01/2003 giữa bà Lê Thị Ngọc M với anh Trần Thanh H1, chị Hồ Thị Phương T.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 316, tờ bản đồ số: 101; Loại đất: đất ở: 234.6m², Đất vườn: 306.80m²; Địa chỉ thửa đất: đường N, phường A, thành phố R (trước đây là phường A, thị xã R) là tài sản riêng của chị Hồ Thị Phương T. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, nếu chị T và anh H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với số tiền lãi phạt chậm trả từ ngày 22/6/2023 trên số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Do bị đơn cư trú tại Số H N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 2 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa các đương sự là tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và tranh chấp hợp đồng tín dụng và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Ngọc M, ông Hồ Hoàng L, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá có đơn xin vắng mặt. Ông Trần Nhật T2 được triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/01/2003 giữa bà Lê Thị Ngọc M với anh Trần Thanh H1, chị Hồ Thị Phương T nên hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của nguyên đơn.

Ngân hàng N xin rút lại yêu cầu đối với số tiền lãi phạt chậm trả từ ngày 22/6/2023 trên số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của Ngân hàng.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 11/4/2025 yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận QSD đất số V707178 do UBND thị xã U cấp ngày 25/12/2002 cho ông H1 đứng tên do nguyên đơn cung cấp sau khi Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa ngày 6/3/2025 đại diện nguyên đơn đã xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu trên, yêu cầu cũng vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu khởi kiện bổ sung trên của nguyên đơn, yêu cầu này sẽ được giải quyết thành vụ án khác khi nguyên đơn có yêu cầu.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa chị T và anh H1 chung sống với nhau vào năm 1997, anh chị có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/12/1997 tại UBND phường M, Thị xã L, tỉnh An Giang, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Chị T cho rằng tài sản là thửa đất số 316, tờ bản đồ số 101; loại đất: đất ở là 234.6m², đất vườn là 306.80m²; địa chỉ thửa đất tại H, đường N, phường A, thành phố R (trước đây là phường A, thị xã R). Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 541.60m², thời hạn sử dụng: Lâu dài + 04/2052 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng Đất số V707178, do U, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25/12/2002 cho bà Lê Thị Ngọc M đứng tên và được Phòng giao thông địa chính xây dựng thị xã R đánh biến động sang tên anh Trần Thanh H1 vào ngày 06/6/2003 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R đánh biến động sang tên cho anh Trần Thanh H1 đứng tên vào ngày 20/8/2018 là tài sản riêng chị T.

Xét thấy, tại thời điểm chị T yêu cầu khởi kiện nêu trên thì tài sản tranh chấp chị thảo, anh H1 đang thế chấp tại Ngân hàng N từ năm 2021, do vậy căn cứ theo điểm d Điều 42 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh chị bị vô hiệu do trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho cá nhân, tổ chức, do đó để đảm bảo thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 316, tờ bản đồ số: 101; loại đất: đất ở: 234.6m², đất vườn: 306.80m²; địa chỉ thửa đất: đường N, phường A, thành phố R (trước đây là phường A, thị xã R). Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 541.60m², thời hạn sử dụng: Lâu dài + 04/2052

theo giấy chứng nhận quyền sử dụng Đất số V707178, cơ quan cấp UBND TX Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, cấp ngày 25/12/2002 cho bà Lê Thị Ngọc M đứng tên và được Phòng giao thông địa chính xây dựng thị xã R đánh biến động sang tên anh Trần Thanh H1 vào ngày 06/6/2003 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R đánh biến động sang tên cho anh Trần Thanh H1 đứng tên vào ngày 20/8/2018 là tài sản riêng của chị Hồ Thị Phương T vì chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có yêu cầu chia đôi căn nhà cấp 4 của vợ chồng chị T tại số H, đường N, phường A, thành phố R (trước đây là phường A, thị xã R), tại phiên toà chị T không yêu cầu giải quyết yêu cầu này nên HĐXX không xem xét, nếu sau này chị có yêu cầu thì sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[3.2] Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.2.1] Xét hợp đồng tín dụng số 7713LAV202100755 ngày 21/6/2021 được ký kết giữa Ngân hàng N với anh H1, chị T là hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 468 Bộ luật Dân sự, xét thấy hợp đồng tín dụng là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái đạo đức và không trái với quy định của pháp luật, anh H1 cho rằng đây là nợ riêng của anh không liên quan đến chị T và chị T cho rằng bị anh H1 lừa dối để ký tên vào hợp đồng vay tiền nêu trên nhưng chị T, anh H1 đều thừa nhận có ký tên vay tiền của Ngân hàng, anh H1 cũng xác nhận anh và chị T cũng đã vay Ngân hàng từ năm 2019, đồng thời anh H1, chị T không có chứng cứ chứng minh số tiền vay nợ trên là nợ riêng của anh H1, do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[3.2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng N về việc buộc anh H1, chị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/4/2025 là 928.845.618 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 23/4/2025 cho đến khi trả hết nợ vay, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho anh H1, chị T số tiền gốc 700.000.000 đồng, anh H1, chị T đã nhận đủ tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H1, chị T chưa thanh toán lần nào tiền gốc cho Ngân hàng, tiền lãi thanh toán được đến ngày 21/6/2023 là 140.191.782 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi là 193.027.398 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 893.027.398 đồng. Xét thấy khi đến hạn trả nợ (ngày 19/06/2023), bên vay anh H1, chị T đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận hai bên ký kết trong hợp đồng, do đó căn cứ vào các quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc anh H1, chị T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán

cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/4/2025 là 893.027.398 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 23/4/2025 cho đến khi trả hết nợ vay.

[3.2.3] Xét về tài sản thế chấp, theo Hợp đồng tín dụng số 7713LAV202100755 ngày 21/6/2021 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7713LCL201901204 ngày 14/6/2019, bên thế chấp anh H1, chị T thỏa thuận thế chấp tài sản là: Thửa đất số 316, tờ bản đồ số: 101; Loại đất: đất ở: 234.6m², Đất vườn: 306.80m²; Địa chỉ thửa đất: Đường (Hẻm) Nguyễn Trung T4, P. A, TX. R, tỉnh Kiên Giang. Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 541.60m², thời hạn sử dụng: Lâu dài + 04/2052 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng Đất số V707178, cơ quan cấp UBND TX Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, cấp ngày 25/12/2002 cho bà Lê Thị Ngọc M đứng tên và được Phòng giao thông địa chính xây dựng thị xã R đánh biến động sang tên anh Trần Thanh H1 vào ngày 06/6/2003 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R đánh biến động sang tên cho anh Trần Thanh H1 đứng tên vào ngày 20/8/2018 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của anh H1, chị T tại hợp đồng tín dụng đã ký và hợp đồng tín dụng phát sinh trong tương lai giữa hai bên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan, nếu có (Điều 5 của hợp đồng tín dụng), xét thấy sự thỏa thuận của các bên trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 317, khoản 6, Điều 320 và khoản 7, Điều 323 của Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực thi hành. Do đó trường hợp anh H1, chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng N (không trả hoặc trả không đầy đủ) thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đang thế chấp của anh H1, chị T tại Ngân hàng để thu hồi nợ.

[3.3] Xét yêu cầu của bị đơn Trần Thanh H1 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cở sở chấp nhận như nhận định nêu trên. Đối với yêu cầu của bị đơn Trần Thanh H1 xin trả số tiền trên trong thời hạn 06 tháng, đại diện Ngân hàng không chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[5] Về án phí: Do Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định, do yêu cầu độc lập của Ngân hàng N được chấp nhận nên chị T, anh H1 phải chịu tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, 218, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Điều 42 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Căn cứ các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 463, 468, 317, 320 và Điều 323 Bộ luật Dân sự. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/01/2003 giữa bà Lê Thị Ngọc M với anh Trần Thanh H1, chị Hồ Thị Phương T.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 316, tờ bản đồ số: 101; Loại đất: đất ở: 234.6m², Đất vườn: 306.80m²; Địa chỉ thửa đất: đường N, phường A, thành phố R (trước đây là phường A, thị xã R). Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 541.60m², thời hạn sử dụng: Lâu dài + 04/2052 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng Đất số V707178, cơ quan cấp UBND TX Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, cấp ngày 25/12/2002 cho bà Lê Thị Ngọc M đứng tên và được Phòng giao thông địa chính xây dựng thị xã R đánh biến động sang tên anh Trần Thanh H1 vào ngày 06/6/2003 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R đánh biến động sang tên cho anh Trần Thanh H1 đứng tên vào ngày 20/8/2018 là tài sản riêng của chị Hồ Thị Phương T.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với số tiền lãi chậm trả từ ngày 22/6/2023 cho đến ngày xét xử là 35.626.440 đồng.

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N.

4.1. Buộc anh Trần Thanh H1, chị Hồ Thị Phương T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/4/2025 là 193.027.398 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 893.027.398 đồng (T5 trăm chín mươi ba triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng).

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh H1, chị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh H1, chị T vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Khi án có hiệu lực pháp luật, trường hợp anh H1, chị T đã trả hết số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N thì Ngân hàng phải có trách nhiệm trả lại cho anh H1, chị T: thửa đất số 316, tờ bản đồ số: 101; Loại đất: đất ở: 234.6m², Đất vườn: 306.80m²; Địa chỉ thửa đất: đường N, phường A, thành phố R (trước đây là phường A, thị xã R). Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 541.60m², thời hạn sử dụng: Lâu dài + 04/2052

theo giấy chứng nhận quyền sử dụng Đất số V707178, cơ quan cấp UBND TX Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, cấp ngày 25/12/2002 cho bà Lê Thị Ngọc M đứng tên và được Phòng giao thông địa chính xây dựng thị xã R đánh biến động sang tên anh Trần Thanh H1 vào ngày 06/6/2003 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R đánh biến động sang tên cho anh Trần Thanh H1 đứng tên vào ngày 20/8/2018 ngay sau khi các bên tất toán toàn bộ nợ vay của Hợp đồng tín dụng số 7713LAV202100755 ngày 21/6/2021 ký kết giữa Ngân hàng N với anh Trần Thanh H1, chị Hồ Thị Phương T.

Trường hợp anh Trần Thanh H1, chị Hồ Thị Phương T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản anh Trần Thanh H1, chị Hồ Thị Phương T thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7713LCL201901204 ngày 14/6/2019 được chứng thực tại Văn phòng C ngày 18/6/2019.

5. Về án phí: Chị T và anh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 38.790.821 đồng (Ba mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng, tám trăm hai mươi mốt đồng)

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho chị Hồ Thị Phương T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002228 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N đã nộp là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004775 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (Trần Bảo A nộp thay).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Rạch Giá;
- CCTHADS TP Rạch Giá;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thị Quyên

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Thị Q

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Rạch Giá;
- CCTHADS TP Rạch Giá;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thị Quyên